

Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa

*Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010*

và Báo cáo của Ban Giám đốc

Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán	4 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7 - 8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 - 18

Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010.

CÔNG TY

Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 1047/QĐ-TTg ngày 18 tháng 11 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 058404 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 7 tháng 5 năm 2001.

Ngành, nghề kinh doanh của Công ty: Sản xuất cấu kiện bê tông và bê tông thương phẩm; Sản xuất cấu kiện kim loại phục vụ xây dựng; Xây dựng công trình công nghiệp, nhà ở; Kinh doanh nhà.

Công ty có trụ sở chính tại Đường 1, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Lãi cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 của Công ty là **2.538.991.139** đồng Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát của Công ty trong kỳ báo cáo tại ngày lập báo cáo này như sau:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Hồ Đình Thuận	Chủ tịch
Ông Trần Văn Ngân	Ủy Viên
Ông Trần Văn Phúc	Ủy viên
Ông Nguyễn Thanh Hoàn	Ủy viên
Ông Phan Văn Hải	Ủy viên

BAN GIÁM ĐỐC

Ông Hồ Đình Thuận	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Ngân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Hoàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Kim	Phó Tổng Giám đốc

BAN KIỂM SOÁT

Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Tạ Quang Thanh	Ủy viên
Ông Đào Văn Sơn	Ủy viên

Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc đã:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kết thúc cùng ngày, phù hợp với Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Giám đốc

Hồ Đình Thuận
Tổng Giám đốc

Ngày 2 tháng 8 năm 2010

Số tham chiếu: 10-2-110/CPAHANOI/HCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT

**Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010**

Kính gửi: Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bảng cân đối kế toán của Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa (gọi tắt là “Công ty”) tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ kết thúc cùng ngày.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc của Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này dựa trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến soát xét

Trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi tin rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Tô Quang Tùng
Giám đốc chi nhánh
Số đăng ký: 0270/KTV

Tô Đình Hoài
Kiểm toán viên
Số đăng ký: 1174/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 2 tháng 8 năm 2010

Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 30 tháng 6 năm 2010

Đơn vị: đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		90.160.964.795	66.613.256.260
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.034.299.471	1.307.206.622
1. Tiền	111	3	2.034.299.471	1.307.206.622
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		58.635.828.102	47.779.909.048
1. Phải thu của khách hàng	131		57.952.775.017	52.319.469.813
2. Trả trước cho người bán	132		5.918.515.213	704.144.500
3. Các khoản phải thu khác	135		205.476.813	197.233.676
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(5.440.938.941)	(5.440.938.941)
III. Hàng tồn kho	140		28.511.931.672	16.993.551.388
1. Hàng tồn kho	141	4	29.214.501.950	17.696.121.666
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(702.570.278)	(702.570.278)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		978.905.550	532.589.202
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		202.080.131	150.000.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	23.447
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		23.326.782	2.707.677
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5	753.498.637	379.858.078
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		28.929.169.907	33.671.160.120
I. Tài sản cố định	220		7.087.740.227	8.321.160.120
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	7.087.740.227	8.321.160.120
- Nguyên giá	222		45.145.752.732	45.032.782.276
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(38.058.012.505)	(36.711.622.156)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		21.265.429.680	25.050.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	7	25.000.000.000	25.000.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258		50.000.000	50.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(3.784.570.320)	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		576.000.000	300.000.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	576.000.000	300.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		119.090.134.702	100.284.416.380

Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 6 năm 2010

Đơn vị: đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		65.058.345.583	48.835.247.707
I. Nợ ngắn hạn	310		65.058.345.583	48.717.914.768
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	9	17.776.398.119	13.896.614.299
2. Phải trả cho người bán	312		36.774.620.154	32.125.532.212
3. Người mua trả tiền trước	313		4.136.756.109	662.464.772
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	10	1.128.662.557	215.913.509
5. Phải trả người lao động	315		1.041.855.572	1.059.209.508
6. Chi phí phải trả	316	11	87.040.625	146.888.040
7. Các khoản phải trả phải nộp khác	319	12	4.110.336.426	306.116.407
8. Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi	323		2.676.021	305.176.021
II. Nợ dài hạn	330		-	117.332.939
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	117.332.939
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		54.031.789.119	51.449.168.673
I. Vốn chủ sở hữu	410		54.031.789.119	51.449.168.673
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	13	45.000.000.000	45.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.609.818.000	1.609.818.000
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(43.629.307)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.652.254.535	1.652.254.535
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		990.996.407	990.996.407
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		4.778.720.177	2.239.729.038
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		119.090.134.702	100.284.416.380

Trần Văn Phúc
Kế toán trưởng

Hồ Đình Thuận
Tổng Giám đốc

Ngày 2 tháng 8 năm 2010

Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	14	88.726.136.530	34.494.768.357
2. Các khoản giảm trừ	03	14	490.475	727.273
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	14	88.725.646.055	34.494.041.084
4. Giá vốn hàng bán	11	15	70.134.746.530	31.325.053.522
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		18.590.899.525	3.168.987.562
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		15.449.378	4.393.132
7. Chi phí tài chính	22	16	4.944.350.527	802.273.273
- Trong đó: Lãi vay phải trả	23		853.545.256	802.273.273
8. Chi phí bán hàng	24		6.037.979.408	1.787.732.355
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	17	4.195.580.109	3.472.859.865
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.428.438.859	(2.889.484.799)
11. Thu nhập khác	31		88.715.838	57.137.650
12. Chi phí khác	32		126.340.482	14.109.038
13. Lợi nhuận khác	40		(37.624.644)	43.028.612
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.390.814.215	(2.846.456.187)
15. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	18	851.823.076	-
16. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.538.991.139	(2.846.456.187)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		564	-

Trần Văn Phúc
Kế toán trưởng

Hồ Đình Thuần
Tổng Giám đốc

Ngày 2 tháng 8 năm 2010

Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.390.814.215	(2.846.456.187)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02	6	1.541.390.349	2.131.412.525
- Các khoản dự phòng	03		3.784.570.320	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(41.109.648)	3.811.144
- Chi phí lãi vay	06		853.545.256	802.273.273
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		9.529.210.492	91.040.755
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(11.234.355.271)	4.389.600.639
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(11.518.380.284)	2.868.540.980
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		11.939.630.611	(6.180.567.387)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(328.080.131)	243.480.595
- Tiền lãi vay đã trả	13		(853.545.256)	(802.273.273)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(145.639.631)	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(318.300.000)	(368.593.093)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.929.459.470)	241.229.216
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(307.970.456)	(70.542.400)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		31.363.636	3.047.619
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.746.012	4.393.132
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(266.860.808)	(63.101.649)

Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		53.163.619.981	26.526.958.352
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(49.239.278.475)	(26.520.109.477)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	40		3.924.341.506	6.848.875
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		728.021.228	184.976.442
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.307.206.622	558.078.939
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(928,379)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	3	2.034.299.471	743.055.381

Trần Văn Phúc
Kế toán trưởng

Hồ Đình Thuần
Tổng Giám đốc

Ngày 2 tháng 8 năm 2010

Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 1047/QĐ-TTg ngày 18 tháng 11 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 058404 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 7 tháng 5 năm 2001 và theo các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi sau này.

Ngành, nghề kinh doanh của Công ty: Sản xuất cấu kiện bê tông và bê tông thương phẩm; Sản xuất cấu kiện kim loại phục vụ xây dựng; Xây dựng công trình công nghiệp, nhà ở; Kinh doanh nhà.

Công ty có trụ sở chính tại Đường 1, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam phù hợp với Hệ thống Kế toán Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán đăng ký áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm cuối năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Hàng tồn kho và dự phòng hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá vốn và giá trị thuần có thể thực hiện được. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá vốn hàng tồn kho bao gồm giá mua cộng với chi phí vận chuyển, chi phí thu mua. Giá trị hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm cuối kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong năm.

Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Tài sản cố định và khấu hao

Tài sản cố định của Công ty được hạch toán theo nguyên giá, khấu hao và giá trị còn lại. Nguyên giá bao gồm giá mua cộng chi phí vận chuyển, lắp đặt. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng hữu ích ước tính của tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 30 năm
Máy móc thiết bị	6 – 15 năm
Phương tiện vận tải	5 – 8 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 – 10 năm

Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm: Công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng với thời gian từ 1 năm trở lên.

Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa. Chi phí lãi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm và xây dựng tài sản cố định cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối kỳ kế toán tài sản là tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại của các khoản công nợ dài hạn được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ tài sản và công nợ ngắn hạn được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi công ty đã giao hàng cho người mua và được người mua chấp nhận thanh toán bất kể đã thu được tiền hay chưa.

Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế phải nộp cho năm hiện hành được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho cơ quan thuế, sử dụng mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực đến cuối kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày cuối năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng theo cơ sở kế toán.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tiền mặt tại quỹ	357.605.624	548.401.319
Tiền gửi ngân hàng	1.676.693.847	758.805.303
Tổng cộng	2.034.299.471	1.307.206.622

4. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Nguyên vật liệu	10.282.137.555	9.226.481.758
Công cụ, dụng cụ	238.793.362	567.098.531
Chi phí sản xuất dở dang	-	83.287.370
Thành phẩm	18.693.571.033	7.819.254.007
Tổng cộng	29.214.501.950	17.696.121.666

5. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tạm ứng	666.287.937	308.447.378
Ký quỹ	87.210.700	71.410.700
Tổng cộng	753.498.637	379.858.078

Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc Thiết bị	Phương tiện Vận tải	Dụng cụ Quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	7.751.108.885	26.063.932.630	10.857.552.343	360.188.418	45.032.782.276
Tăng trong kỳ	30.319.456	277.651.000	-	-	307.970.456
Giảm trong kỳ	-	(195.000.000)	-	-	(195.000.000)
Số dư cuối kỳ	7.781.428.341	26.146.583.630	10.857.552.343	360.188.418	45.145.752.732
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	4.952.654.020	21.584.447.802	9.998.573.298	175.947.036	36.711.622.156
Tăng trong kỳ	289.501.241	1.016.586.136	211.882.686	23.420.286	1.541.390.349
Giảm trong kỳ	-	(195.000.000)	-	-	(195.000.000)
Số dư cuối kỳ	5.242.155.261	22.406.033.938	10.210.455.984	199.367.322	38.058.012.505
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	2.798.454.865	4.479.484.828	858.979.045	184.241.382	8.321.160.120
Tại ngày cuối kỳ	2.539.273.080	3.740.549.692	647.096.359	160.821.096	7.087.740.227

Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

7. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công ty TNHH Một thành viên An Hòa - BCC	25.000.000.000	25.000.000.000
Tổng cộng	25.000.000.000	25.000.000.000

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Số dư đầu kỳ	300.000.000	445.480.595
Tăng trong kỳ	405.714.286	-
Giảm trong kỳ	(129.714.286)	(145.480.595)
Số dư cuối kỳ	576.000.000	300.000.000

9. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (a)	16.293.398.119	12.646.614.299
Huy động vốn cá nhân (b)	1.483.000.000	1.250.000.000
Tổng cộng	17.776.398.119	13.896.614.299

Các khoản vay trên gồm:

- (a) Khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Biên Hòa theo hai Hợp đồng tín dụng sau:

+ Hợp đồng tín dụng số 65/10/VCB.BH ngày 4/5/2010 với hạn mức 20 tỷ đồng (trong đó hạn mức cho vay là 15 tỷ đồng) với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là toàn bộ khoản phải thu khách hàng theo biên bản định giá số 01/092/DG.KPT ngày 27/8/2009 là 30.000.000.000 đồng. Lãi suất cho vay trong hạn được xác định trên giấy nhận nợ theo thông báo lãi suất của ngân hàng tại từng thời điểm rút vốn với lãi suất 13,2%/năm. Thời hạn cho vay là 4 tháng.

+ Hợp đồng tín dụng số 95/10/VCB.BH ngày 8/6/2010 với hạn mức 5 tỷ đồng với mục đích bổ sung vốn lưu động để thực hiện gói thầu cung cấp cọc đại trà BTCT 350x350 cho dự án xây dựng KTX Sinh viên ĐH Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là hợp đồng thực hiện cung cấp cọc đại trà BTCT 350x350 cho dự án xây dựng KTX đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh. Lãi suất cho vay trong hạn được xác định trên giấy nhận nợ theo thông báo lãi suất của ngân hàng tại từng thời điểm rút vốn với lãi suất 13,2%/năm. Thời hạn cho vay là 6 tháng.

Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

9. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (tiếp theo)

- (b) Khoản vay vốn cá nhân được thực hiện theo các hợp đồng huy động vốn ký kết với từng cá nhân với thời hạn hoàn trả vốn theo yêu cầu của bên cho vay chậm nhất là 7 ngày tính từ ngày bên cho vay yêu cầu. Lãi suất tính bằng lãi suất cho vay tại thời điểm mà ngân hàng Công ty giao dịch và tiền lãi được thanh toán mỗi 3 tháng.

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	275.794.481	70.273.878
Thuế thu nhập doanh nghiệp	851.823.076	145.639.631
Thuế thu nhập cá nhân	1.045.000	-
Tổng cộng	1.128.662.557	215.913.509

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Cước điện thoại, tiền nước	-	39.255.540
Tiền ăn trưa, ca 2 của CBCNV	-	107.632.500
Tiền thuê đất và thuê văn phòng	87.040.625	-
Tổng cộng	87.040.625	146.888.040

12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỘP KHÁC

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Cổ tức năm 2007 phải trả cho Liêm Chính	7.800.000	7.800.000
Công ty cổ phần Ly Tâm Thủ Đức	-	242.426.000
Tổng công ty xây dựng Số 1 (*)	4.000.000.000	-
Phải trả khác	102.536.426	55.890.407
Tổng cộng	4.110.336.426	306.116.407

(*) Đây là khoản mượn Tổng công ty xây dựng Số 1 theo hợp đồng số 63-10/TCT/TCKT-TD với mục đích bổ sung vốn lưu động. Thời hạn mượn là 2 tháng với lãi suất 1,25%/tháng.

Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị: đồng Việt Nam

CỔ ĐÔNG	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Vốn của cổ phần Nhà Nước	17.181.820.000	17.181.820.000
Vốn của cổ đông khác	27.818.180.000	27.818.180.000
Tổng cộng	45.000.000.000	45.000.000.000

b. Cổ phiếu

CỔ PHIẾU	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	4.500.000	4.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành công chúng	4.500.000	4.500.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>4.500.000</i>	<i>4.500.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.500.000	4.500.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>4.500.000</i>	<i>4.500.000</i>

Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng/cổ phiếu.

14. DOANH THU

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu	88.726.136.530	34.494.768.357
+ Doanh thu bán hàng	83.449.491.453	32.720.593.423
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.276.645.077	1.774.174.934
Các khoản giảm trừ	(490.475)	(727.273)
+ Giảm giá hàng bán	(490.475)	(727.273)
Doanh thu thuần	88.725.646.055	34.494.041.084
+ Doanh thu bán hàng	83.449.000.978	32.720.593.423
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.276.645.077	1.773.447.661

Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

15. GIÁ VỐN

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn hàng bán	66.492.947.176	31.325.053.522
Giá vốn cung cấp dịch vụ	3.641.799.354	-
TỔNG CỘNG	70.134.746.530	31.325.053.522

16. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi vay	853.545.256	802.273.273
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	3.784.570.320	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	306.234.951	-
TỔNG CỘNG	4.944.350.527	802.273.273

17. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên quản lý	1.769.446.044	1.514.353.217
Chi phí vật liệu quản lý	533.366.370	344.318.057
Chi phí đồ dùng văn phòng	81.081.890	61.883.625
Chi phí khấu hao TSCĐ	217.347.272	83.365.668
Thuế phí và lệ phí	69.786.797	25.345.138
Chi phí dịch vụ mua ngoài	413.603.104	453.569.037
Chi phí bằng tiền khác	1.110.948.632	990.025.123
Tổng cộng	4.195.580.109	3.472.859.865

Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Đơn vị: đồng Việt Nam

KHOẢN MỤC	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1)	3.390.814.215	(2.846.456.187)
Các khoản điều chỉnh tăng	(2)	16.478.090	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(3)	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế (4) = (1) + (2) - (3)	(4)	3.407.292.305	(2.846.456.187)
Thuế TNDN hiện hành (5) = (4) *25%	(5)	851.823.076	-

19. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Trong năm có phát sinh các giao dịch với các bên có liên quan như sau:

Đơn vị: đồng Việt Nam

Công ty có liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền
Công ty TNHH Một thành viên An Hòa – BCC	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	3.626.940.637
		Cho thuê tài sản	12.586.862
		Mua hàng hóa và dịch vụ	6.735.487.629
		Thuê tài sản	6.143.909
Tổng Công ty Xây dựng Số 1	Cổ đông lớn	Bán hàng hóa	17.109.353.688
		Mua nguyên liệu sản xuất	16.978.708.924

Tổng tiền lương và thưởng của các thành viên lãnh đạo chủ chốt

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Kỳ này	Kỳ trước
Thành viên Hội đồng quản trị	306.798.353	329.963.878
Ban giám đốc	396.440.138	324.963.878
Ban kiểm soát	130.414.385	69.873.100
Cộng	833.652.876	724.800.856

Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

19. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, công nợ phải trả với các bên có liên quan như sau:

Đơn vị: đồng Việt Nam

Công ty có liên quan	Mối quan hệ	Số tiền
Tổng Công ty Xây dựng Số 1	Cổ đông lớn	7.994.127.319

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, công nợ phải thu với các bên có liên quan như sau:

Đơn vị: đồng Việt Nam

Công ty có liên quan	Mối quan hệ	Số tiền
Công ty TNHH Một thành viên An Hòa – BCC	Công ty con	10.355.716.920

20. THÔNG TIN KHÁC

Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
Trong vòng một năm	379.310.647	367.633.606
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	1.517.242.588	1.470.654.422
Sau năm năm	8.138.343.293	8.266.105.906

21. TRÌNH BÀY LẠI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu “Quỹ khen thưởng phúc lợi” được trình bày tại mục “Nguồn kinh phí và quỹ khác” với mã số 431 trên báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được phân loại và trình bày lại tại mục “Nợ ngắn hạn” với mã số 323 trên báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010.

Trần Văn Phúc
Kế toán trưởng

Hồ Đình Thuần
Tổng Giám đốc

Ngày 2 tháng 8 năm 2010